

Số: 600/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 28 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng
tỉnh Thái Bình giai đoạn 2012 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Công văn số 5561/BNN-TCLN ngày 22 tháng 8 tháng 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội;



Căn cứ Thông báo Kết luận số 620-TB/TU ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thái Bình giai đoạn 2012 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 15/TTr-SKHĐT ngày 27 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thái Bình giai đoạn 2012 - 2020, với các nội dung sau:

1. Kéo dài thời kỳ Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thái Bình giai đoạn 2012 - 2020 cho đến khi Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Điều chỉnh quy mô đất lâm nghiệp tỉnh Thái Bình, với diện tích sau điều chỉnh là 5.058,2 ha, trong đó:

- | | |
|---------------------------------|------------------|
| a) Đất có rừng: | 2.958,4 ha; gồm: |
| - Rừng trồng trang: | 431,1 ha |
| - Rừng trồng bản: | 1.043,4 ha |
| - Rừng hỗn giao: | 1.460,2 ha |
| - Rừng trồng phi lao: | 21,6 ha |
| - Rừng trồng sù: | 2,1 ha |
| b) Đất chưa có rừng: | 2.099,8 ha; gồm: |
| - Đất bãi triều: | 2.083,9 ha |
| - Đất bãi cát: | 9,3 ha |
| - Đất hành lang bảo vệ đê biển: | 6,6 ha |

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thái Bình giai đoạn 2012 - 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.



Điều 2.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về các nội dung báo cáo, đề xuất, bảo đảm quy định của pháp luật.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

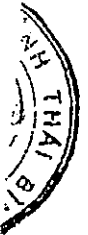
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có rừng và các các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

CHỦ TỊCH

(Handwritten signature)
Nguyễn Khắc Thận





PHỤ LỤC

Điều chỉnh quy mô đất lâm nghiệp tỉnh Thái Bình
(Ban hành kèm theo Quyết định số 600./QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Ha

STT	Hạng mục	Quy mô đất lâm nghiệp sau điều chỉnh						
		Tổng	Tiền Hải			Thái Thụy		
			Cộng	Đặc dụng	Phòng hộ	Cộng	Đặc dụng	Phòng hộ
	Tổng	5.058,2	1.569,80	635,33	934,47	3.488,39	1.612,88	1.875,51
I	Đất có rừng	2.958,4	763,40	348,92	414,48	2.194,93	1.063,49	1.131,44
1	Rừng trồng Trạng	431,1	65,16	35,06	30,10	365,84	78,69	287,15
2	Rừng trồng Bần	1.043,4	220,53	116,81	103,72	822,83	482,37	340,46
3	Rừng hỗn giao	1.460,2	454,17	197,05	257,12	1.006,05	502,43	503,62
4	Rừng trồng phi lao	21,6	21,40		21,40	0,21		0,21
5	Rừng trồng Sú	2,1	2,14		2,14			
II	Đất chưa có rừng	2.099,8	806,40	286,41	519,99	1.293,46	549,39	744,07
1	Đất bãi triều	2.083,9	797,34	286,41	510,93	1.286,59	548,00	738,59
2	Đất bãi cát	9,3	9,06		9,06	0,24		0,24
3	Đất hành lang bảo vệ đê biển	6,6				6,63	1,39	5,24